

ỦY BAN DÂN TỘC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **585** /UBND-KHTC

V/v hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc và khai thác kết quả điều tra

Hà Nội, ngày **20** tháng **5** năm 2021

Kính gửi: Ban Dân tộc, Cơ quan làm công tác dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thông tư số 02/2018/TT-UBND, ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định Chế độ báo cáo thống kê công tác dân tộc có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Trong năm 2019, các Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc đã thực hiện chế độ báo cáo và gửi về Ủy ban dân tộc qua đường công văn và qua địa chỉ email của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc (email: vukehoachtaichinh@cema.gov.vn). Tuy nhiên, các báo cáo vẫn chưa đầy đủ, còn nhiều tỉnh chưa nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo. Để khắc phục, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các Ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo thống kê trong năm 2021 như sau:

1. Danh mục báo cáo, thời hạn gửi báo cáo theo tiến độ thời gian, hình thức gửi báo cáo

Các Ban Dân tộc đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm chế độ báo cáo điện tử.

Báo cáo bằng văn bản có thể bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; văn bản điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và được gửi về Ủy ban Dân tộc qua trực liên thông văn bản và qua địa chỉ email: vukehoachtaichinh@cema.gov.vn.

Báo cáo qua phần mềm chế độ báo cáo điện tử được thực hiện trên website tại địa chỉ <http://thongkedantoc.vn>.

Danh mục báo cáo được tổng hợp tại bảng dưới đây:

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5
1.	07.N/BC-UBND	Số lượng công chức trong cơ quan công tác dân tộc các cấp	Năm 2020	Ngày 15/3/2021
2.	08.N/BC-UBND	Số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc (Dành cho cơ quan công tác dân tộc có đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	Năm 2020	Ngày 15/3/2021
3.	09.N/BC-UBND	Số công chức, viên chức trong cơ quan công tác dân tộc các cấp được đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân	Năm 2020	Ngày 15/3/2021

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5
		tộc, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và đào tạo khác		
4.	04.N/BC-UBDT	Số lượng, tỷ lệ các thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới	Năm 2020	Ngày 15/3/2021
5.	05.N/BC-UBDT	Hộ nghèo và cận nghèo người dân tộc thiểu số	Năm 2020	Ngày 15/3/2021
6.	06.K/BC-UBDT	Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là người dân tộc thiểu số	Nhiệm kỳ 2021-2025	Ngày 30/7/2021
7.	01.N/BC-UBDT	Tổng hợp số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh giáo dục phổ thông	Năm học 2021-2022	Ngày 15/11/2021
8.	02.N/BC-UBDT	Học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi	Năm học 2021-2022	Ngày 15/11/2021
9.	03.N/BC-UBDT	Số học sinh người dân tộc thiểu số bỏ học, lưu ban	Năm học 2020-2021	Ngày 15/11/2021

- Đến nay có 31/52 tỉnh gửi báo cáo nhưng chưa đầy đủ (kết quả được tổng hợp tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2). Đề nghị các Ban Dân tộc khẩn trương hoàn thiện báo cáo thống kê và cập nhật báo cáo trên phần mềm báo cáo điện tử theo quy định.

2. Ủy ban Dân tộc đã xây dựng cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số từ kết quả điều tra, thu thập về thông tin thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 tích hợp phần mềm báo cáo thống kê công tác dân tộc. Các Ban Dân tộc khai thác dữ liệu điều tra trên website tại địa chỉ <http://thongkedantoc.vn>.

Trong quá trình triển khai thực hiện báo cáo và khai thác dữ liệu, nếu có vướng mắc, đề nghị các Ban Dân tộc trao đổi với Vụ Kế hoạch - Tài chính qua địa chỉ email: yukehoachtaichinh@cema.gov.vn hoặc đầu mối cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn sử dụng phần mềm:

- Đ/c Vũ Minh Trang, số điện thoại: 0356.242.186 - Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính.

- Đ/c Nguyễn Ngọc Hoan, số điện thoại: 0915.662.905 - Cán bộ Kỹ thuật phần mềm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (để b/c);
- TT, PCN Lê Sơn Hải (để b/c);
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu: VT, KHTC (5). *uj*

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Nguyễn Mạnh Huân

Phụ lục 1
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ
CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẾN NGÀY 17/5/2021

(Kèm theo Công văn số *585*/UBNDT-KHTC, ngày *20* /5/2021 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo	Số tỉnh thực hiện báo cáo
1	2	3	4	5	6
1	07.N/BC-UBNDT	Số lượng công chức trong cơ quan công tác dân tộc các cấp	Năm 2020	Ngày 15/3/2021	28
2	08.N/BC-UBNDT	Số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc (Dành cho cơ quan công tác dân tộc có đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	Năm 2020	Ngày 15/3/2021	0
3	09.N/BC-UBNDT	Số công chức, viên chức trong cơ quan công tác dân tộc các cấp được đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân tộc, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và đào tạo khác	Năm 2020	Ngày 15/3/2021	27
4	04.N/BC-UBNDT	Số lượng, tỷ lệ các thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới	Năm 2020	Ngày 15/3/2021	26
5	05.N/BC-UBNDT	Hộ nghèo và cận nghèo người dân tộc thiểu số	Năm 2020	Ngày 15/3/2021	28

Phụ lục 2
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ
CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẾN NGÀY 17/5/2021
(Kèm theo Công văn số 585/UBND-KHTC, ngày 20/5/2021 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Tỉnh	Các tỉnh có báo cáo	Biểu 04.N/BC-UBND	Biểu 05.N/BC-UBND	Biểu 07.N/BC-UBND	Biểu 09.N/BC-UBND	Ghi chú
1	Thành phố Hà Nội	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy
2	Tỉnh Hà Giang	x		x			
3	Tỉnh Cao Bằng						
4	Tỉnh Bắc Kạn	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy
5	Tỉnh Tuyên Quang	x	x	x	x	x	
6	Tỉnh Lào Cai	x	x	x	x	x	
7	Tỉnh Điện Biên						
8	Tỉnh Lai Châu	x	x	x	x	x	
9	Tỉnh Sơn La	x	x	x	x	x	
10	Tỉnh Yên Bái						
11	Tỉnh Hoà Bình	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy
12	Tỉnh Thái Nguyên	x	x	x	x	x	
13	Tỉnh Lạng Sơn	x	x	x	x	x	
14	Tỉnh Quảng Ninh						
15	Tỉnh Bắc Giang	x	x	x	x	x	
16	Tỉnh Phú Thọ	x	x	x	x	x	
17	Tỉnh Vĩnh Phúc						
18	Tỉnh Ninh Bình	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy
19	Tỉnh Thanh Hóa	x	x	x	x	x	
20	Tỉnh Nghệ An	x			x	x	Gửi báo cáo giấy
21	Tỉnh Hà Tĩnh						
22	Tỉnh Quảng Bình	x				x	
23	Tỉnh Quảng Trị	x	x	x	x	x	
24	Tỉnh Thừa Thiên Huế	x	x	x	x	x	
25	Tỉnh Quảng Nam	x	x	x	x	x	
26	Tỉnh Quảng Ngãi						
27	Tỉnh Bình Định	x	x	x	x	x	
28	Tỉnh Phú Yên						
29	Tỉnh Khánh Hòa	x	x	x	x	x	
30	Tỉnh Ninh Thuận	x	x	x	x	x	
31	Tỉnh Bình Thuận						
32	Tỉnh Kon Tum						
33	Tỉnh Gia Lai	x			x		
34	Tỉnh Đắk Lắk						
35	Tỉnh Đắk Nông	x	x	x	x	x	
36	Tỉnh Lâm Đồng						
37	Tỉnh Bình Phước						
38	Tỉnh Tây Ninh						
39	Tỉnh Bình Dương						
40	Tỉnh Đồng Nai	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy

STT	Tỉnh	Các tỉnh có báo cáo	Biểu 04.N/BC- UBDT	Biểu 05.N/BC- UBDT	Biểu 07.N/BC- UBDT	Biểu 09.N/BC- UBDT	Ghi chú
41	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu						
42	Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	x	x	x	
43	Tỉnh Long An						
44	Tỉnh Trà Vinh	x	x	x	x		
45	Tỉnh Vĩnh Long	x		x			
46	Tỉnh An Giang						
47	Tỉnh Kiên Giang						
48	Thành phố Cần Thơ						
49	Tỉnh Hậu Giang						
50	Tỉnh Sóc Trăng	x	x	x	x	x	
51	Tỉnh Bạc Liêu	x	x	x	x	x	Gửi báo cáo giấy
52	Tỉnh Cà Mau	x	x	x	x	x	
	Tổng cộng	31	26	28	28	27	

DANH SÁCH CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ
CÓ CƠ QUAN LÀM CÔNG TÁC

Ban Dân tộc Tỉnh An Giang	Ban Dân tộc Tỉnh Kiên Giang
Ban Dân tộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum
Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu	Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu
Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn	Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai
Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang	Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn
Phòng Dân tộc thuộc VPUBND tỉnh Bình Dương	Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng
Ban Dân tộc tỉnh Bình Định	Phòng Dân tộc thuộc VPUBND tỉnh Long An
Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước	Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An

Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận	Phòng Dân tộc thuộc VP UBND tỉnh Ninh Bình
Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận
Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng	Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ
Ban Dân tộc TP Cần Thơ	Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên
Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình
Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam
Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi
Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh
Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị
Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang	Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng

Ban Dân tộc TP Hà Nội	Ban Dân tộc tỉnh Sơn La
Ban Dân tộc tỉnh Hà Tĩnh	Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên
Phòng Dân tộc thuộc VPUBND tỉnh Tây Ninh	Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa
Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình	Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên - Huế
Ban Dân tộc TP Hồ Chí Minh	Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh
Ban Dân tộc tỉnh Hậu Giang	Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang
Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Long
Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc